

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Tỉnh Gia Lai là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đối mặt với tình trạng suy giảm độ phì của đất và khô hạn kéo dài vào mùa khô. Tình trạng biến đổi khí hậu và hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh đang thúc đẩy quá trình sa mạc hóa, đe dọa trực tiếp đến các hệ sinh thái rừng, các vùng canh tác nông nghiệp và đời sống người dân.

Việc khai thác nước quá mức phục vụ tưới tiêu cho các loại cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu) kết hợp với lượng mưa phân bố không đều dẫn đến nguy cơ suy kiệt tầng nước ngầm, làm trầm trọng thêm quá trình hoang mạc hóa. Sự gia tăng nhiệt độ trung bình năm làm tăng lượng bốc hơi bề mặt, gây mất độ ẩm của đất nhanh chóng vào mùa khô, đe dọa trực tiếp đến sức sống của các hệ sinh thái rừng tự nhiên.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Chống sa mạc hóa là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên đất, rừng, nước.

Công tác phòng, chống sa mạc hóa trong lĩnh vực trồng trọt phải gắn với sử dụng đất nông nghiệp bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả phù hợp điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Lồng ghép các mục tiêu phòng, chống sa mạc hóa với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, góp phần giảm phát thải.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Công tác phòng, chống sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh được triển khai một cách chủ động, đồng bộ và hiệu quả, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của địa phương; ưu tiên các giải pháp hạn chế và phục hồi đất bị suy giảm độ phì và đất bị khô hạn.

Triển khai các giải pháp chống sa mạc hóa được lồng ghép trong công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, hạn chế thoái hóa đất thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình chống sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh.

Lồng ghép mục tiêu chống sa mạc hóa vào các Kế hoạch Bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh, Kế hoạch quản lý các Khu bảo tồn thiên nhiên, các khu vực đất ngập nước. Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về phòng, chống, khắc phục sa mạc hóa vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2030

Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội ở các mức độ và nguyên nhân; tăng các trạm khí tượng thủy văn phục vụ theo dõi, giám sát và dự báo, cảnh báo sớm.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch các khu vực sa mạc hóa theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất thông qua sử dụng bền vững đất đai; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước; đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 46,51%, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất, hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp để giảm thiểu lượng bốc hơi tiềm năng vào mùa khô; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

Tổ chức bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có của tỉnh. Phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản, carbon rừng. Xây dựng kế hoạch sử dụng hợp lý diện tích đất lâm nghiệp người dân đang sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng. Trồng rừng mới và trồng rừng luân canh 125.000 ha rừng (bình quân 25.000 ha/năm); sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp 1.150 triệu cây (bình quân 230 triệu cây/năm).

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn, thích ứng với biến đổi khí hậu theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 20/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, phấn đấu thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030 với diện tích khoảng 26.710 ha (trong đó: đất trồng lúa 3.790 ha, đất trồng mía 7.660 ha, đất trồng sắn 7.745 ha, đất trồng điều 4.020 ha và chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác 3.495 ha).

Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.

Tăng tỷ lệ áp dụng các hình thức canh tác bền vững; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, giảm dần phân bón vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật; từng bước cải tạo, phục hồi đất phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững; gia tăng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

b) Mục tiêu đến năm 2050

Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu; phục hồi một phần diện tích đất bị thoái hóa nhẹ, trung bình và ngăn ngừa sự gia tăng đất thoái hóa nặng, góp phần đạt mục tiêu chống sa mạc hóa trên cả nước.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả diện tích đất trồng trọt, hạn chế gia tăng diện tích đất bị thoái hóa. Tổ chức sản xuất trồng trọt bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi diện tích cây trồng thường xuyên bị hạn, diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, có đầu ra ổn định, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Thu nhập bình quân của người dân sống tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sa mạc hóa không thấp hơn 50% mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Về sản xuất nông nghiệp bền vững

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, lựa chọn và sử dụng các giống cây trồng chịu hạn, thích ứng với điều kiện sinh thái từng vùng, cụ thể:

- Vùng các xã, phường phía Đông tỉnh: Chuyển dịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng phù hợp để tránh thiên tai, hạn và mặn; phát triển mô hình canh tác sử dụng nước tiết kiệm; phát triển một số loài cây trồng chủ lực như lúa, ngô, lạc, rau các loại, sắn, dứa; chuyển giao các giống cây trồng mới có khả năng chịu hạn và các mô hình canh tác bền vững.

- Vùng các xã, phường phía Tây tỉnh: Phát triển mô hình canh tác sử dụng nước tiết kiệm; phát triển vùng chuyên canh một số loài cây trồng chủ lực như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, mía, sắn và cây ăn quả; chuyển giao các giống cây trồng mới có khả năng chịu hạn và các mô hình canh tác trồng trọt bền vững.

Áp dụng các giải pháp canh tác bền vững, giảm thoái hóa đất như: Luân canh, xen canh cây trồng; tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, các chế phẩm sinh học; áp dụng quản lý sức khỏe cây trồng theo IPM, IPHM...

Lồng ghép các nội dung chống sa mạc hóa vào kế hoạch sản xuất trồng trọt và kế hoạch chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả hàng năm.

Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền cho người dân trên địa bàn về trồng trọt thích ứng với hạn hán và sử dụng đất nông nghiệp bền vững. Triển khai các mô hình trồng trọt theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và áp

dụng các phương pháp tưới tiết kiệm nước.

1.2. Về quản lý và bảo vệ tài nguyên

a) Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng

Thực hiện bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có thông qua mô hình đồng quản lý và lâm nghiệp cộng đồng. Triển khai các dự án trồng rừng, phục hồi rừng tại các khu vực đồi núi trọc để hạn chế suy giảm độ phì của đất.

Đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch triển khai thực hiện phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050. Ưu tiên trồng các loại cây dược liệu bản địa có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng tự nhiên và rừng trồng (như sa nhân, mật nhân...) để vừa tạo thu nhập cho người dân, vừa giữ ẩm và bảo vệ cấu trúc đất.

Sử dụng ảnh vệ tinh kết hợp với thiết bị bay không người lái (drone) để giám sát biến động diện tích rừng và tình trạng thoái hóa đất theo thời gian tại các “điểm nóng” về khô hạn.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng của các đơn vị chủ rừng (Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn, Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ,...) sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt. Phát triển các mô hình du lịch bền vững tại các khu vực rừng đầu nguồn, khu bảo tồn để nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo nguồn thu tái đầu tư cho công tác bảo vệ rừng.

Nghiên cứu và triển khai các dự án chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng (tín chỉ carbon). Đây sẽ là nguồn tài chính bền vững để tái đầu tư cho việc trồng và phục hồi rừng, thay vì chỉ phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Gia tăng diện tích rừng, đặc biệt là diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

b) Bảo vệ nguồn nước: Xây dựng mới và nâng cấp các hồ chứa nước thủy lợi hiện có nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới và sinh hoạt trong mùa khô hạn.

c) Bảo vệ môi trường

Lồng ghép nội dung chống sa mạc hóa vào Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Thành lập các khu bảo tồn đất ngập nước đối với các khu vực được đưa vào quy hoạch tỉnh.

Tuyên truyền, phổ biến các nội dung về phòng, chống, khắc phục sa mạc hóa vào các đợt tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cho người dân, cán bộ quản lý môi trường, cán bộ hội đoàn thể.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp với các tỉnh giáp ranh (Đắk Lắk, Quảng

Ngãi) trong việc quản lý nguồn nước liên tỉnh và bảo vệ các dải rừng phòng hộ giáp ranh nhằm ngăn chặn hiệu quả quá trình sa mạc hóa diện rộng.

1.3. Hạ tầng và ổn định dân cư

Giải quyết dứt điểm vấn đề cấp nước sinh hoạt cho người dân tại các vùng thường xuyên bị khô hạn, hoang mạc hóa trên địa bàn tỉnh.

Cải thiện điều kiện hạ tầng, y tế và giáo dục tại các vùng bị ảnh hưởng để ổn định đời sống nhân dân.

Thí điểm mô hình bảo hiểm nông nghiệp đối với rủi ro hạn hán cho các cây trồng chủ lực, giúp người dân an tâm chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo kế hoạch của tỉnh.

1.4. Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, thứ tự ưu tiên giai đoạn theo các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo.

2. Giải pháp triển khai thực hiện

a) Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội ở các mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.

b) Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, đào tạo và tập huấn.

c) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phòng, chống sa mạc hóa, nhất là phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, mất rừng, cháy rừng; nghiên cứu phát triển và chuyển giao các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, chịu mặn, xây dựng danh mục giống ưu tiên theo vùng sinh thái.

d) Tăng cường năng lực; xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm; ngăn ngừa, thích ứng với sa mạc hóa.

e) Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hóa và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa; xây dựng cơ sở dữ liệu về sa mạc hóa, thoái hóa đất.

f) Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hóa thông qua các biện pháp canh tác nông, lâm nghiệp thông minh.

g) Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái. Ưu tiên các giải pháp hạn chế và phục hồi đất bị suy giảm độ phì và đất bị khô hạn như phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng trồng, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có thông qua hình thức đồng quản lý và lâm nghiệp cộng đồng; nông lâm kết hợp; xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước thủy lợi phục vụ cấp nước mùa khô; thúc đẩy mô hình canh tác sử dụng nước tiết kiệm; phát triển vùng

chuyên canh một số loài cây trồng chủ lực như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, mía, sắn và cây ăn quả; hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với hoa và rau màu; chuyên dịch cơ cấu mùa vụ để tránh thiên tai, hạn và mặn.

h) Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng, trong đó, tập trung bảo vệ, khôi phục rừng tự nhiên, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập; bảo vệ và phát triển rừng chắn gió, chắn cát phòng hộ ven biển; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

i) Ổn định đời sống cho người dân, cải thiện các điều kiện về y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng tại các khu vực bị sa mạc hóa; giải quyết cấp nước sinh hoạt tại các vùng khô hạn, hoang mạc hóa.

k) Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống sa mạc hóa.

IV. NGUỒN VỐN

1. Nguồn ngân sách tự bố trí từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương trong trường hợp khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN


1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, tổ chức theo dõi, báo cáo đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

2. Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Tài chính sẽ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách hiện hành hoặc lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án, đề án khác để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.


3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại danh mục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

4. Căn cứ các nhiệm vụ trong Kế hoạch, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện để làm cơ sở xác định, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, các tổ chức quốc tế hỗ trợ kinh phí thực hiện và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương trong trường hợp khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, hướng dẫn, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH GL;
- LĐ+CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, N5. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Mah Tiệp

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHỐNG SA MẠC HÓA
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A	Các nhiệm vụ phối hợp với các Bộ, ngành	Cơ quan giao chủ trì phối hợp	Cơ quan phối hợp	
I	Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa toàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội ở các mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát			
1	Phối hợp điều tra, đánh giá, khoanh vùng các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2028
2	Phối hợp định vị và hệ thống hoá cơ sở dữ liệu các khu vực đất bị sa mạc hóa trên toàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2027 - 2028
3	Tự động hóa trong cảnh báo, dự báo sớm khô hạn và thoái hóa đất theo nguyên nhân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2027 - 2028
4	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	2028 - 2030
II	Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, nghiên cứu, đào tạo và tập huấn			
5	Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phòng, chống sa mạc hóa, nhất là phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn; nghiên cứu phát triển các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, chịu mặn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Trung tâm nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2050
6	Xây dựng các sản phẩm truyền thông; đẩy mạnh công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về phòng, chống, khắc phục sa mạc hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; cơ quan báo chí tỉnh	2026 - 2035

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về nhận biết; điều tra, đánh giá và xác định các khu vực bị sa mạc hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 – 2027
8	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về khai thác thông tin, dữ liệu từ hệ thống dự báo, cảnh báo sa mạc hóa.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị liên quan	2027 - 2050
9	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; sản xuất phát thải thấp; sản xuất nông nghiệp tuần hoàn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng để giảm thiểu và thích ứng với sa mạc hóa.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị liên quan	2026 - 2030
10	Đào tạo, tập huấn ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong quản lý, bảo vệ, điều tra, giám sát, kiểm kê tài nguyên rừng; tài nguyên đất đai; tài nguyên nước.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị liên quan	2031 - 2035
11	Đào tạo, tập huấn biện pháp kỹ thuật cải tạo, phục hồi đất bị thoái hóa do các nguyên nhân khác nhau.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2031 - 2035
III	Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm tại các khu vực đất bị thoái hóa			
12	Xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống trạm quan trắc chỉ tiêu lượng mưa và lượng bốc hơi tiềm năng phục vụ dự báo và cảnh báo sớm khô hạn tại các khu vực đất bị thoái hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; UBND cấp xã	2026 - 2050
13	Xây dựng, nâng cấp, tu sửa trang bị thiết bị hiện đại cho các trạm khí tượng thủy văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm hạn hán, ngập úng, xâm nhập mặn, ngập phèn, lũ quét, sạt lở...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; UBND cấp xã	2026 - 2050
IV	Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hóa và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa			
14	Điều tra, xác định các nguyên nhân sa mạc hóa, đánh giá tác động, rủi ro và giải pháp phòng, chống.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2028

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
15	Điều tra, phân chia điều kiện lập địa theo mức độ thích hợp cho các loài cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp thích ứng với điều kiện khô hạn và thoái hóa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2030
16	Điều tra, đánh giá, phân vùng, phân cấp khí tượng thủy văn và cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán tại các khu vực sa mạc hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2030
V	Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hóa thông qua các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp thông minh			
17	Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2050
VI	Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập; tăng cường bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển chắn gió, chắn cát			
18	Xây dựng, nhân rộng các mô hình quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững đất lâm nghiệp đồi núi trống, hoang hóa, đất dốc, chống xói mòn và nâng cao độ phì đất ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tổng hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2030 - 2050
19	Nhân rộng diện tích sử dụng đất áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và tăng hấp thụ carbon trong lâm nghiệp tạo lợi ích “kép” trong tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng và hiệu quả phục hồi đất ở các khu vực sa mạc hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	2026 - 2050
VII	Ổn định đời sống cho người dân tại các khu vực bị sa mạc hóa			
20	Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tăng cường tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động cho người lao động tại khu vực đất bị sa mạc hóa. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn người lao động tại khu vực đất bị sa mạc hóa được tiếp cận vay vốn tạo việc làm và phát triển sản xuất theo các quy định của pháp luật	Sở Nội vụ	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, UBND cấp xã	2026 - 2050

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
B	Nhiệm vụ do UBND tỉnh chủ trì thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập; tăng cường bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển chắn gió, chắn cát.				
1	Trồng rừng phòng hộ bán ngập tại các hồ chứa nước lớn và vừa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2030 - 2050
2	Xây dựng mô hình tái tạo rừng đa tầng tán tiệm cận rừng nhiệt đới trên lưu vực vùng đầu nguồn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2045
3	Xây dựng, nhân rộng các mô hình phục hồi, cải tạo đất thông qua tiếp cận cảnh quan bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2045
4	Trồng rừng trên cát, khu vực khô hạn, thoái hóa đất áp dụng các công nghệ tiên tiến, tiến bộ kỹ thuật, giống mới tăng hiệu quả phục hồi đất và hiệu quả phòng hộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2030 - 2045